

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIM BẢNG  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 25/10/2019  
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Nguyệt.

*Các Hội thẩm nhân dân:* + Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

+ Ông Trần Ngọc Luân.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thu Hiền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:*** Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 81/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXX- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019 giữa:

***Nguyên đơn:*** Ông Vũ Đức D, sinh năm 1966.

Địa chỉ: T6, thị trấn Q, huyện K, tỉnh H. Có mặt.

***Bị đơn:*** Bà Đặng Thị C, sinh năm 1967.

Địa chỉ: T6, thị trấn Q, huyện K, tỉnh H. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn xin ly hôn và quá trình xét xử, ông Vũ Đức D là nguyên đơn trình bày: Ông và bà Đặng Thị C kết hôn là tự nguyện, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Q, huyện K, tỉnh H năm 1985. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 1997 do kinh tế gia đình khó khăn ông đi lao động ở Hàn Quốc cho đến tháng 3/2019 thì về nước. Trong thời gian ông đi lao động, ở nhà bà C có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác và sống không có trách nhiệm với bố mẹ chồng nên khi về nước ông không về chung sống cùng với bà C mà về nhà bố mẹ đẻ ông sống. Vợ chồng ông sống ly thân mỗi người một nơi và chấm dứt quan hệ vợ chồng kể từ năm 1997 cho đến nay, không

quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho ông được ly hôn với bà C.

Tại bản tự khai ngày 17/6/2019, bà Đặng Thị C là bị đơn trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, thời gian ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng đúng như ông D đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống hòa thuận, không có mâu thuẫn gì. Năm 1997 ông D đi lao động ở Hàn Quốc đến tháng 3/2019 thì về nước, bà không biết lý do gì mà khi về nước ông D không về chung sống cùng với mẹ con bà mà về sống cùng với bố mẹ đẻ ông D. Nay ông D làm đơn xin ly hôn, bà không đồng ý vì bà vẫn còn tình cảm vợ chồng với ông D.

Về con chung: Ông D và bà C thống nhất trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Đức T, sinh ngày 21/5/1986 và cháu Vũ Đức D, sinh ngày 03/8/1991, hiện nay các cháu đã có gia đình riêng. Khi ly hôn ông D, bà C không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung: Ông D và bà C cùng thống nhất không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản riêng, diện tích đất nông nghiệp và công sức đóng góp: Ông D và bà C cùng thống nhất trình bày không có.

Về công nợ: Ông D và bà C cùng thống nhất trình bày không có.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và không thay đổi bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Vũ Đức D. Xử lý hôn giữa ông Vũ Đức D và bà Đặng Thị C. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của ông Vũ Đức D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với bà Đặng Thị C là bị đơn; địa chỉ: T 6, thị trấn Q, huyện K, tỉnh H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Đức D và bà Đặng Thị C kết hôn với nhau tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn năm 1985 tại UBND thị trấn Q, huyện K, tỉnh H. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 1997 thì ông D đi lao động ở Hàn Quốc đến tháng 3/2019 về nước. Khi về nước ông D không về chung sống cùng với bà C mà về nhà bố mẹ đẻ ông D sống. Nguyên nhân là do trong thời gian ông D đi làm xa vắng nhà, bà C ở nhà có quan hệ ngoại tình dẫn đến vợ chồng mất lòng tin, tình cảm với nhau. Qua xác minh tại địa phương và lời thừa nhận của đương sự thì vợ chồng ông D, bà C sống ly thân, không quan tâm đến nhau đã nhiều năm nay. Điều này càng chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữ ông D và bà C đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông D xin ly hôn bà C là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông D và bà C có 02 con chung là cháu Vũ Đức T, sinh ngày 21/5/1986 và cháu Vũ Đức D, sinh ngày 03/8/1991, các cháu đã có gia đình riêng nên ông D, bà C không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về con riêng: Không có.

[4] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông D và bà C không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[6] Về án phí: Ông D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa ông Vũ Đức D và bà Đặng Thị C.

2. Án phí: Ông Vũ Đức D phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào khoản tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0001558 ngày 07 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Ông D đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, ông D, bà C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND thị trấn Quế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Thị Nguyệt**